

Số: 775 /QĐ-KHXH

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số
của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 108/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-KHXH ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về Kế hoạch Chuyển đổi số của Viện Hàn lâm giai đoạn năm 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam”, gồm các nội dung sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm).
- Theo dõi, đánh giá khách quan, thực chất, công bằng kết quả chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm, giúp lãnh đạo các đơn vị nắm được thực trạng chuyển đổi số tại đơn vị mình, qua đó xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cho phù hợp.
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của viên chức, người lao động, thực hiện cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chỉ số chuyển đổi số của Viện Hàn lâm.

- Phát hiện các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Bộ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam gồm các tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số hằng năm trong hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm.

3. Nguyên tắc thực hiện

- Bộ chỉ số bám sát yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia, quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số các bộ, ngành và các quy định liên quan về chuyển đổi số của Viện Hàn lâm.

- Đảm bảo tính thực chất, khoa học, minh bạch, khách quan, và công bằng trong việc đánh giá, xếp hạng.

- Quá trình đánh giá, xếp hạng phải tuân thủ các nội dung của quy định này nhằm phản ánh đúng tình hình thực tế kết quả chuyển đổi số của từng đơn vị.

- Bộ chỉ số có tính mở, cập nhật, phù hợp với tình hình thực tế.

4. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá chuyển đổi số tại các đơn vị gồm 6 chỉ số chính như sau:

- Nhận thức số: bao gồm 5 chỉ số thành phần
- Thể chế số: bao gồm 6 chỉ số thành phần
- Hạ tầng số: bao gồm 4 chỉ số thành phần
- Nhân lực số: bao gồm 3 chỉ số thành phần
- An toàn thông tin mạng: bao gồm 4 chỉ số thành phần
- Hoạt động chuyển đổi số: bao gồm 7 chỉ số thành phần

5. Phương pháp đánh giá, xếp hạng

a) Tiêu chí đánh giá và điểm tối đa cho từng nhóm tiêu chí

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa của các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm
1	Nhận thức số	100
2	Thể chế số	55
3	Hạ tầng số	80
4	Nhân lực số	60
5	An toàn thông tin mạng	20
6	Hoạt động của Chuyển đổi số	80
Tổng điểm		395

b) Cách tính điểm, xếp hạng cho các đơn vị:

- Cách tính điểm chi tiết cho các đơn vị được quy định tại Phụ lục đi kèm

theo Quyết định này.

- Xếp hạng các đơn vị theo điểm từ cao xuống thấp, chỉ số chính là giá trị trung bình cộng của các chỉ số thành phần từng nhóm tiêu chí:

$$I = \frac{(I_1 + I_2 + I_3 + I_4 + I_5 + I_6)}{6}$$

6

Trong đó:

I_1 : Chỉ số Nhận thức

I_2 : Chỉ số Thẻ chế

I_3 : Chỉ số Hạ tầng

I_4 : Chỉ số Nhân lực

I_5 : Chỉ số An toàn thông tin mạng

I_6 : Chỉ số Hoạt động chuyển đổi số

- Cách tính chỉ số thành phần nhóm tiêu chí:

$$I^j = \frac{T^j}{T_{max}^j}$$

Trong đó:

I^j : Chỉ số nhóm j, j từ 1 đến 6

T^j : Điểm nhóm j

T_{max}^j : Điểm tối đa nhóm j (quy định tại bảng phía trên)

- Xếp hạng các đơn vị được tính theo chỉ số từ cao xuống thấp

Chỉ số xếp hạng = Tổng điểm đạt được / Tổng điểm tối đa

c) Các trường hợp không được tính điểm:

- Không cung cấp đủ thông tin, số liệu.

- Số liệu cung cấp không đúng với thực tế.

- Không có tài liệu kiểm chứng.

- Gửi báo cáo chậm, quá thời hạn yêu cầu.

6. Quy trình đánh giá

- Các đơn vị xây dựng báo cáo đánh giá chuyển đổi số theo Phụ lục tại Quyết định này và gửi kết quả, tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu về Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin trước ngày 05 tháng 01 hằng năm (số liệu báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo).

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Viện Hàn lâm giao Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin tổng hợp kết quả báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị và xây dựng Dự thảo Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị và của Viện Hàn lâm.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Viện Hàn lâm họp, xem xét, thông qua Dự thảo Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị và của Viện Hàn lâm, trình Lãnh đạo Viện Hàn lâm xem xét quyết định. Trong trường hợp cần chỉnh sửa, làm rõ

thì chuyển lại cho Trung tâm chỉnh sửa, giải trình.

- Báo cáo đánh giá chuyển đổi số của các đơn vị và của Viện Hàn lâm được Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin công khai trên Cổng Thông tin điện tử Viện Hàn lâm.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Trách nhiệm của Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Viện Hàn lâm.

b) Tổng hợp báo cáo đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các đơn vị vào Quý I của năm tiếp theo và gửi cho Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Viện Hàn lâm.

c) Nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số phù hợp với các quy định mới của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và tình hình thực tế, trình lãnh đạo Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

7.2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm

a) Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức về hoạt động chuyển đổi số trong đơn vị.

b) Đôn đốc viên chức đơn vị thực hiện nghiêm túc các hoạt động chuyển đổi số.

c) Chỉ đạo tổng hợp số liệu, cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ báo cáo đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị mình theo hướng dẫn của Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin.

7.3. Trách nhiệm của Ban Tổ chức cán bộ

Căn cứ kết quả chuyển đổi số của các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm, Ban Tổ chức - Cán bộ tham mưu việc đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng phù hợp đối với các đơn vị.

7.4. Trách nhiệm của Ban Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin tổng hợp, trình Chủ tịch Viện Hàn lâm quyết định về việc bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác để thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm.

7.5. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Viện Hàn lâm

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí đánh giá về Hoạt động Chuyển đổi số của các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm để cập nhật vào Kế hoạch Cải cách hành chính hàng năm của Viện Hàn lâm.

b) Lồng ghép các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các hoạt động cải cách hành chính để thúc đẩy công tác cải cách hành chính tại Viện Hàn lâm.

7.6. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Viện Hàn lâm

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và nghiêm túc thực hiện theo

những quy định Bộ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

8. Khen thưởng và xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoạt động chuyển đổi số và thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tài liệu kiểm chứng theo Bộ chỉ số được xem xét để khen thưởng hàng năm theo quy định.

b) Đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định cung cấp thông tin như: cố tình không cung cấp thông tin, tài liệu kiểm chứng, cung cấp tài liệu kiểm chứng sai lệch gây cản trở việc tới việc đánh giá hoạt động chuyển đổi số, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Viện Hàn lâm.

9. Sửa đổi, bổ sung

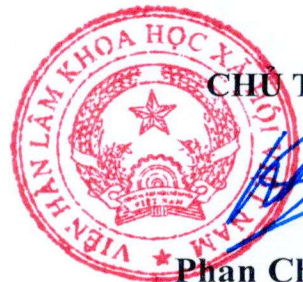
Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin để tổng hợp, trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Viện Hàn lâm, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Ban Chỉ đạo CDS Viện Hàn lâm;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để biết);
- Công TTĐT Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, CNTT.



CHỦ TỊCH

Phan Chí Hiếu

Phụ lục
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ
DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 775/QĐ-KHXH ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

I	Thông tin chung
1	Tên Đơn vị:
2	Địa chỉ liên hệ chính thức:
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử chính thức:
4	Số lượng đơn vị cấp Phòng:
5	Số lượng viên chức:
6	Số lượng máy chủ vật lý (đặt tại đơn vị hoặc thuê đặt bên ngoài):
7	Số lượng máy trạm (bao gồm cả máy tính xách tay được đơn vị trang bị):
8	Số lượng hệ thống thông tin:
9	Tổng chi Ngân sách của đơn vị cho chuyển đổi số:
10	Thông tin liên hệ của đơn vị:
Người chịu trách nhiệm cung cấp:	
Phòng:	
Chức vụ:	
Điện thoại:	
Email:	

II	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Cách tính điểm	Tài liệu kiểm chứng
1	Nhận thức số	100			
1.1	Có Quyết định thành lập Tổ chuyển đổi số của đơn vị	20		Có quyết định: Điểm tối đa Không có: 0 điểm	Quyết định thành lập
1.2	Người đứng đầu Đơn vị là Tổ trưởng Tổ chuyển đổi số của đơn vị	20		Tổ trưởng là người đứng đầu đơn vị: điểm tối đa Tổ trưởng là cấp phó đơn vị: 10 điểm Người khác: 5 điểm	Văn bản, tài liệu kiểm chứng

1.3	Người đứng đầu đơn vị chủ trì, chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số của đơn vị	20		Người đứng đầu đơn vị chủ trì, chỉ đạo hoạt động CDS: điểm tối đa Đơn vị chưa có Tổ chuyển đổi số, hoặc có nhưng không phải thủ trưởng đơn vị: 0 điểm	Văn bản của Tổ Chuyển đổi số
1.4	Văn bản chuyên đề về chuyển đổi số/hướng dẫn triển khai chuyên đề về CDS do người đứng đầu đơn vị ký	20		Người đứng đầu đơn vị ký văn bản về hoạt động CDS: điểm tối đa Không phải: 5 điểm	Văn bản, tài liệu kiểm chứng
1.5	Viên chức, người lao động tham gia viết bài/tham dự Hội thảo/Tọa đàm về hoạt động chuyển đổi số	20		Mỗi bài viết được Ban tổ chức chấp nhận được tính 2 điểm Mỗi người tham dự được tính 1 điểm. Tối đa không quá 20 điểm	Văn bản, tài liệu kiểm chứng (Thư mời, bài viết được đăng ký yếu)
2	Thế chế số	55			
2.1	Số cuộc họp, hội nghị chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của đơn vị	5		Đã có: Điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản, tài liệu kiểm chứng (Biên bản cuộc họp hoặc hội nghị và các tài liệu liên quan về tổ chức hội nghị/cuộc họp)
2.2	Ban hành Kế hoạch hành động hàng năm của đơn vị về chuyển đổi số	10		Đã có: điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản (Quyết định/kế hoạch công tác/ công văn)
2.3	Hoạt động ứng dụng CNTT của đơn vị tuân thủ theo Kiến trúc Chính phủ điện tử Viện Hàn lâm đang triển khai	10		Tổng số hoạt động của đơn vị: a Số hoạt động tuân thủ theo quy chuẩn Kiến trúc chính phủ điện tử: b Điểm: b/a* điểm tối đa	Tài liệu kiểm chứng
2.4	Tổ chức Tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề hàng	10		Mỗi hội nghị, tập huấn, bồi dưỡng về	Tài liệu kiểm chứng (Quyết

	năm phổ biến, quán triệt và tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử của Viện Hàn lâm			giám sát, tuân thủ các quy định về kiến trúc chính phủ điện tử mà Viện Hàn lâm đang triển khai được tính 2 điểm, được cộng không quá điểm tối đa	định/biên bản tổ chức Hội nghị)
2.5	Ban hành văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, hướng dẫn các phòng, bộ phận trong đơn vị triển khai hoạt động chuyển đổi số	10		Mỗi văn bản/ hướng dẫn được ban hành được cộng 2 điểm, được cộng điểm không quá điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản
2.6	Tổ chức Tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chuyển đổi số	10		Mỗi hoạt động được cộng 2 điểm, được cộng điểm không quá điểm tối đa Không có: 0 điểm	Tài liệu (Quyết định tổ chức/ Biên bản hội nghị)
3	Hạ tầng số	80			
3.1	Tỉ lệ viên chức, người lao động của đơn vị được trang bị máy tính	20		Tổng số VC, NLD của đơn vị (gọi là a) Tổng số máy tính của đơn vị (gọi là b) Điểm=(b/a)* Điểm tối đa	
3.2	Trang bị máy scan tài liệu/ sử dụng công cụ, tiện ích số hóa	20		Có: điểm tối đa Không có: 0 điểm	
3.3	Đơn vị có sử dụng dịch vụ điện toán đám mây	20		Có: điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh
3.4	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	20		Sử dụng mỗi phần mềm được tính 2,5 điểm	
4	Nhân lực số	60			
4.1	Có cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm về chuyển đổi số	20		Có: điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh
4.2	Có cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm về An toàn thông tin	20		Có: điểm tối đa Không có: 0 điểm	Văn bản, tài liệu chứng minh

4.3	Tỷ lệ viên chức, người lao động được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	20		Số VC, NLD của đơn vị = a Số VC, NLD được bồi dưỡng tập huấn về CĐS của đơn vị = b Điểm: b/a * điểm tối đa	
5	An toàn thông tin mạng	20			
5.1	Số lượng máy trạm của đơn vị cài đặt phòng, chống mã độc	5		Tổng số máy trạm trong đơn vị = a Tổng số máy trạm có cài đặt phòng, chống mã độc = b Điểm: b/a * điểm tối đa	Tài liệu chứng minh
5.2	Cử người tham gia các cuộc diễn tập được triển khai	5		Tham gia mỗi cuộc diễn tập: 1 điểm Tối đa không quá 5 điểm	Danh sách tham gia
5.3	Số lượng sự cố đã phát hiện trong đơn vị	5		Mỗi sự cố được phát hiện: 1 điểm Tối đa không quá 5 điểm	Tài liệu chứng minh
5.4	Số lượng sự cố đã xử lý trong đơn vị	5		Mỗi sự cố được xử lý 1 điểm Tối đa không quá 5 điểm	Tài liệu chứng minh
6	Hoạt động chuyển đổi số	80			
6.1	Triển khai kênh số khác (ngoài Trang thông tin TTĐT) để cung cấp thông tin	10		Đã triển khai cung cấp thông tin: Điểm tối đa Chưa triển khai: 0 điểm	Đường dẫn/ địa chỉ/ ảnh chụp màn hình... chứng minh công cụ
6.2	Triển khai kênh số khác (ngoài Trang TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến với độc giả, nhà khoa học	10		Đã triển khai tương tác trực tuyến: Điểm tối đa Chưa triển khai: 0 điểm	Đường dẫn/ địa chỉ/ ảnh chụp màn hình... chứng minh công cụ
6.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Viện	10		Tổng số các ứng dụng có dữ liệu dùng chung = a Tổng số các ứng dụng có dữ liệu	Tài liệu, văn bản chứng minh

	Hàn lâm			dùng chung được kết nối, sử dụng qua LGSP = b Điểm: b/a* Điểm tối đa	
6.4	Triển khai nền tảng dữ liệu số của đơn vị (Dựa theo Kế hoạch CDS 2022-2025)	20		Có triển khai: điểm tối đa Không triển khai: 0 điểm.	Tài liệu, văn bản chứng minh
6.5	Tham gia bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà	10		Đã tham gia: điểm tối đa Chưa tham gia: 0 điểm	Quyết định tổ chức/tham gia lớp học
6.6	Ứng dụng công nghệ số trong công tác chuyên môn (các ứng dụng hỗ trợ nghiên cứu, phân tích số liệu, điều tra, khảo sát...)	10		Có sử dụng: điểm tối đa Không sử dụng: 0 điểm	Tên ứng dụng, công nghệ giải pháp được sử dụng và kết quả mang lại khi sử dụng
6.7	Giải quyết công việc trên nền tảng số	10		Có sử dụng: điểm tối đa Không sử dụng: 0 điểm	Tên những nền tảng số được sử dụng để giải quyết công việc
Tổng điểm:		395			